

LUẬN A TỖ ĐÀM CAM LỘ VỊ

QUYỂN HẠ

Phẩm 11: TRÍ

Mười trí là Pháp trí, trí vị tri (loại trí), đẳng trí, trí tri tha nhân tâm (Trí tha tâm), khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, diệt trí, và trí vô sinh.

Thế nào là pháp trí? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi Dục. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi Dục. Trí vô lậu trong các hành tận thuộc cõi Dục. Vì các hành đạo dứt trừ phiền não thuộc cõi Dục, trí vô lậu trong đạo và trí vô lậu trong địa pháp trí, đó gọi là pháp trí.

Thế nào là trí vị tri? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, vì các hành đạo dứt trừ phiền não thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, trí vô lậu trong đạo và trí vị tri, trí vô lậu trong địa trí vị tri, đó gọi là trí vị tri.

Thế nào là đẳng trí? Tất cả trí tuệ hữu lậu hoặc là thiện, bất thiện, vô ký, đó là đẳng trí.

Thế nào là trí tri tha nhân tâm? Do sức tư duy trong thiền mà biết được pháp tâm, tâm sở của người khác ở cõi Dục, Đó là trí tri tha nhân tâm.

Thế nào là khổ trí? Là trí quán vô lậu về vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã) trong năm thọ ấm, đó là khổ trí.

Thế nào là tập trí? Là trí quán vô lậu về tập nhân hữu duyên của năm thọ ấm. Đây là tập trí.

Thế nào là tận trí? Là trí quán vô lậu về tận, chỉ, diệt, xuất, đó là tận trí.

Thế nào là đạo trí? Là trí quán vô lậu về tám trực đạo (bát chánh đạo) nên trụ xuất, đó gọi là Đạo trí.

Thế nào là diệt trí? Là kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tư duy đạo, là trí quán vô lậu trong bốn pháp, đó gọi là Diệt trí.

Thế nào trí vô sinh? Ta đã thấy khổ, không còn thấy khổ nữa,

ta đã đoạn, không còn đoạn tập nữa. Ta đã tác chứng, không còn tác chứng nữa. Ta đã tư duy đạo, không còn tư duy đạo nữa, là trí quán vô lậu trong bốn pháp. Đây gọi là trí vô sinh, là mười sáu hành của hai trí trong mười trí.

Pháp trí, trí vị trí là mười sáu hành của đẳng trí trong pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, bốn hành của đẳng trí trong pháp bậc nhất thế gian. Ngoài ra, không có hành nào khác. Bốn hành của trí tha tâm vô lậu, như đạo trí, trí tri tha tâm hữu lậu là không hành.

Khổ trí có bốn hành, tập trí có bốn hành, tận trí có bốn hành, đạo trí có bốn hành, diệt trí, trí vô sinh, mỗi trí này đều có mười bốn hành, trừ hành không, vô ngã.

Thiền vị đạo và thiền địa trung gian có chín trí, trừ trí tri tha tâm.

Mười trí trong bốn thiền khác, định Vô Sắc có tám trí, trừ pháp trí và trí tri tha tâm. Tâm vô lậu bậc nhất thành tựu một đẳng trí. Tâm vô lậu thứ hai thành tựu ba trí là đẳng trí, pháp trí và khổ trí. Tâm vô lậu thứ ba vượt qua, tâm vô lậu thứ tư thành tựu bốn trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí và trí vị trí. Tâm vô lậu thứ năm vượt qua, tâm vô lậu thứ sáu thành tựu năm trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị trí và tập trí. Tâm vô lậu thứ bảy vượt qua. Tâm vô lậu thứ tám cũng vượt qua. Tâm vô lậu thứ chín thành tựu sáu trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị trí, tập trí và tận trí. Tâm vô lậu thứ mười, thứ mười một vượt qua. Tâm vô lậu thứ mười hai thành tựu bảy trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị trí, tập trí, tận trí và đạo trí. Nếu trí đã lìa dục, từng biết được tâm người khác, sẽ có hai thứ tu trí là đắc tu và hành tu, trước chưa được công đức, đến nay mới được, đó là đắc tu. Trước đây đã được công đức, hiện nhập ở trước, đó là hành tu. Tu hiện ở trước trong đạo kiến đế, sự tu đó tức tu ở vị lai.

Như vậy tu các nhãn hiện ở trước, cũng là tu ở mai sau. Trí khổ vị, tập vị trí, trí tập vị trí, là tu đẳng trí trong ba trí vị trí. Hoặc tu sáu trí, hoặc tu bảy trí trong đạo trí vị trí. Nếu chưa lìa dục tu sáu trí, đã lìa dục tu bảy trí, thì trí tri tha tâm vượt qua quả Tu-đà-hoàn. Tu bảy trí trong mười bảy tâm, trừ diệt trí, trí vô sinh và trí tri tha tâm, là tín giải thoát lúc được căn cơ nhạy bén trong mười bảy tâm. Tu sáu trí trong hai đạo: vô ngại và giải thoát, trừ trí tha tâm, đẳng trí, diệt trí và trí vô sinh được quả A-na-hàm. Tu tám trí trong đạo giải thoát, trừ diệt trí, trí vô sinh.

Như vậy, lúc bảy địa lìa dục, tu tám trí trong đạo giải thoát, trừ diệt trí, trí vô sinh, đó là tu bảy trí trong các đạo vô ngại, trừ trí tri tha tâm, diệt trí và trí vô sinh.

Lúc hữu tướng Vô tướng lìa dục, tu bảy trí trong tám đạo giải

thoát, trừ đẳng trí, diệt trí, và trí vô sinh. Tu sáu trí trong chín đạo vô ngại, trừ đẳng trí, trí trí tha tâm, diệt trí và trí vô sinh. Tu các căn thiện hữu lậu, vô lậu trong tâm vô học ban đầu. Tâm vô học đầu tiên này tương ứng với trí khở vị trí. Có người nói là tương ứng với trí tập vị trí. Vì sao? Vì xứ hữu tướng, Vô tướng tương ứng với sinh duyên, tâm vô học ban đầu kiến đế. Vì tám nhãn tìm kiếm, nên gọi là kiến, không phải trí. Diệt trí, trí vô sinh là trí không phải kiến. Ngoài ra, tuệ vô lậu vừa là tuệ, vừa là kiến, vừa là trí, trừ tuệ hữu lậu thiện tương ứng với ý thức và năm tà kiến. Tuệ hữu lậu còn lại vừa là trí, vừa là tuệ, không phải kiến. Pháp trí duyên theo chín trí, trừ trí vị trí. Trí vị trí duyên theo chín trí, trừ pháp trí. Đạo trí duyên theo chín trí, trừ đẳng trí. Khở trí, tập trí duyên nơi tất cả pháp hữu lậu. Trí còn lại duyên mười trí và đẳng trí, trí tha tâm, diệt trí, và trí vô sinh.

Hai trí: Trí tận pháp và Trí đạo pháp có thể làm dứt trừ kiết của ba cõi, sáu thông, bốn thông, đẳng trí, thân thông, nhĩ thông, nhãn thông, túc mạng thông và tha tâm thông.

Năm trí: Pháp trí, trí vị trí, đạo trí, đẳng trí và trí tha tâm thuộc lậu tận thông. Chín trí vô lậu trừ đẳng trí.

Bốn ý chỉ: Thân ý chỉ có tám trí, trừ trí tha tâm, tận trí. Thống (thọ) ý chỉ, tâm ý chỉ có chín trí, trừ tận trí. Pháp ý chỉ có mười trí. Bốn biện là pháp biện, từ biện, ứng biện, nghĩa biện của đẳng trí đều có mười trí, nguyện trí có bảy trí, trừ trí tha tâm, diệt trí, trí vô sinh.

Lực thứ nhất trong mười lực nhận biết mười trí. Hai lực, ba, bốn, năm, sáu lực có chín trí, trừ tận trí.

Bảy lực có mười trí. Tám lực, chín lực có một trí là đẳng trí. Mười lực có chín trí, trừ đẳng trí.

Pháp vô úy thứ nhất có mười trí nhận biết. Pháp vô úy thứ hai có chín trí nhận biết, trừ đẳng trí. Pháp vô úy thứ ba có tám trí nhận biết, trừ đạo trí, tận trí. Pháp vô úy thứ tư có tám trí, trừ khở trí và tập trí.
